

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc	14 - 45
Phụ lục 1 - Danh sách công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	46 - 51

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên	
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên	
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.


CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc: 




Trương Tuấn Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60729565/18609353

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 5 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



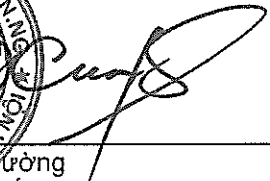
Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 26 tháng 5 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận về soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.989.036.930.177	24.238.821.543.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	699.019.340.601	1.071.293.410.389
111	1. Tiền		649.019.340.601	571.293.410.389
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	500.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.528.291.448.000	2.142.032.490.611
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	32.369.112.000	32.369.112.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(15.077.664.000)	(14.958.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	1.511.000.000.000	2.124.621.378.611
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.622.930.748.171	16.585.572.752.923
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	515.314.692.149	288.691.127.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	173.731.754.361	132.228.960.187
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	11.222.611.901.893	12.496.760.202.648
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	2.820.340.190.817	3.769.416.074.671
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9, 10	(109.067.791.049)	(101.523.612.370)
140	IV. Hàng tồn kho		919.805.099.516	730.548.865.043
141	1. Hàng tồn kho	11	919.805.099.516	730.548.865.043
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.218.990.293.889	3.709.374.024.318
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	38.578.907.279	13.394.986.624
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	46.698.974.728	35.767.944.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	4.110.701.997	2.923.154.643
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	13	7.129.601.709.885	3.657.287.938.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.965.692.194.062	54.082.083.973.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.689.142.965.111	11.135.844.306.667
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	9.568.952.825.111	11.135.841.666.667
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	120.190.140.000	2.640.000
220	II. Tài sản cố định		217.808.663.074	214.091.787.205
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	196.040.823.686	194.042.685.459
222	Nguyên giá		263.166.988.365	253.059.710.605
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(67.126.164.679)	(59.017.025.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình		21.767.839.388	20.049.101.746
228	Nguyên giá		38.654.838.880	35.150.011.380
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.886.999.492)	(15.100.909.634)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	82.254.873.272	82.735.895.923
231	1. Nguyên giá		87.706.085.875	87.706.085.875
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.451.212.603)	(4.970.189.952)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	17	3.383.050.842.912	2.805.541.943.577
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.383.050.842.912	2.805.541.943.577
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		41.038.236.779.041	38.275.539.416.775
251	1. Đầu tư vào công ty con	18.1	36.723.752.608.248	34.479.034.583.248
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.2	1.482.214.318.182	1.482.214.318.182
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.3	2.919.437.075.345	2.314.290.515.345
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(87.167.222.734)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.555.198.070.652	1.568.330.623.581
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	53.369.465.209	67.515.682.870
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.828.605.443	814.940.711
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		80.954.729.124.239	78.320.905.517.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.211.686.761.368	41.069.956.307.067
310	I. Nợ ngắn hạn		16.743.927.981.451	20.129.324.462.838
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	511.443.107.585	136.288.096.579
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		533.334.439.982	28.358.671.265
	- Thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại các dự án		531.321.153.718	25.445.358.289
	- Thanh toán theo các hợp đồng khác		2.013.286.264	2.913.312.976
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	4.304.491.083	9.352.323.347
314	4. Phải trả người lao động		-	14.600.225.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.185.149.617.973	764.864.295.381
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		22.428.999.123	26.643.140.907
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	7.378.823.514.414	5.047.407.477.029
	- Tiền ứng vốn từ khách hàng		194.341.409.573	384.898.778.987
	- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		7.184.482.104.841	4.662.508.698.042
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23.1	7.108.443.811.291	14.101.810.232.968
330	II. Nợ dài hạn		23.467.758.779.917	20.940.631.844.229
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.2	23.467.758.779.917	18.558.230.083.647
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	24	-	2.382.401.760.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.743.042.362.871	37.250.949.209.945
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	25	40.743.042.362.871	37.250.949.209.945
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		19.398.548.510.000	18.681.880.870.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		19.398.548.510.000	18.681.880.870.000
411b	- Cổ phần ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.765.136.668.300	17.279.282.355.762
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.553.357.184.571	1.263.785.984.183
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.263.785.984.183	6.467.923.866
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.289.571.200.388	1.257.318.060.317
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		80.954.729.124.239	78.320.905.517.012

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	271.986.129.830	192.538.116.883
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	271.986.129.830	192.538.116.883
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	27	(171.731.816.945)	(138.282.580.306)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.254.312.885	54.255.536.577
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	2.174.290.685.768	2.803.357.906.115
22	7. Chi phí tài chính	28	(872.638.907.665)	(719.457.631.682)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(746.765.474.212)	(566.194.520.155)
25	8. Chi phí bán hàng		(6.264.314.161)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(106.614.259.381)	(16.430.522.603)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.289.027.517.446	2.121.725.288.407
31	11. Thu nhập khác	29	1.097.367.290	20.711.235.300
32	12. Chi phí khác	29	(751.974.080)	(64.474.720)
40	13. Lợi nhuận khác	29	345.393.210	20.646.760.580

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.289.372.910.656	2.142.372.048.987
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(815.375.001)	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		1.013.664.733	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.289.571.200.388	2.142.372.048.987



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đường Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.289.372.910.656	2.142.372.048.987
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		10.536.709.215	6.466.084.425
03	Các khoản dự phòng		94.831.065.413	(10.246.783.025)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	26.2, 28	(219.373.156.249)	108.314.556.671
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26.2	(1.954.917.529.519)	(2.803.357.906.115)
06	Chi phí lãi vay	28	783.300.221.121	626.733.382.632
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.750.220.637	70.281.383.575
09	Tăng các khoản phải thu		(191.509.874.988)	(482.428.046.826)
10	Tăng hàng tồn kho		(189.256.234.473)	(12.466.188.511)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(287.910.894.152)	(91.901.193.402)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(22.981.571.737)	5.877.485.576
14	Tiền lãi vay đã trả		(402.459.399.454)	(302.387.726.598)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.120.779.636)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.097.488.533.803)	(813.024.286.186)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(382.293.810.158)	(567.782.657.902)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.251.283.454.632)	(2.999.753.142.062)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.984.186.801.517	3.535.729.633.310
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.323.278.356.800)	(3.427.339.986.844)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.115.894.553.800	3.013.903.424.661
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.785.611.013.893	120.565.912.477
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.928.836.747.620	(324.676.816.360)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay và nợ trái phiếu		10.783.760.328.628	1.388.682.996.381
34	Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu		(12.987.385.984.638)	(1.302.976.857.938)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(2.203.625.656.010)	85.706.138.443
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(372.277.442.193)	(1.051.994.964.103)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.071.293.410.389	1.314.658.214.340
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.372.405	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	699.019.340.601	262.663.250.237

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động phát triển và chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là: 445 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 482).

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản cũng như tình hình thị trường tại các thời điểm các dự án bất động sản được chào bán.

Các hoạt động khác của Công ty dự kiến sẽ ổn định và không chịu ảnh hưởng của tính chất mùa vụ.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có 68 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Cho mục đích trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, Công ty cũng đã bổ sung một số số liệu chi tiết cho các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ như "Người mua trả tiền trước" (Mã số 312) và "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" (Mã số 319). Mục tiêu của việc trình bày thêm các số liệu chi tiết trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là để nhằm cung cấp các thông tin phù hợp cho người đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Việc sửa đổi, bổ sung này được chấp thuận bởi Bộ Tài chính theo Công văn số 5966/BTC-CĐKT ban hành ngày 4 tháng 5 năm 2012 về việc bổ sung chi tiết vào mẫu báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bao gồm toàn bộ các thông tin và thuyết minh như trong báo cáo tài chính riêng cả năm, và do đó phải được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Phụ lục số 1. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 26 tháng 5 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng	648.904.543.480	571.135.778.659
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	500.000.000.000
Tiền mặt	114.797.121	157.631.730
TỔNG CỘNG	<u>699.019.340.601</u>	<u>1.071.293.410.389</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng với lãi suất 4,5%/năm và có thời hạn 1 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng với lãi suất 4,3%/năm và có thời hạn 35 ngày).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.369.112.000	17.291.448.000	(15.077.664.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)
TỔNG CỘNG	32.369.112.000	17.291.448.000	(15.077.664.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
- Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (i)	1.511.000.000.000	1.511.000.000.000	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611
TỔNG CỘNG	1.511.000.000.000	1.511.000.000.000	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611
Dài hạn					
- Tiền gửi ngân hàng	-	-	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611
<i>Trong đó: các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi</i>	-	-	(497.621.378.611)	(497.621.378.611)	(497.621.378.611)
TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 5,2%/năm đến 9,2%/năm (các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu phí dịch vụ quản lý công ty con	498.427.525.337	267.815.623.415
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	12.129.130.758	16.117.468.318
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	4.758.036.054	4.758.036.054
TỔNG CỘNG	515.314.692.149	288.691.127.787
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan</i>	502.000.159.859	274.579.879.230
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	13.314.532.290	14.111.248.557
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.944.255.910)	(4.944.255.910)
<i>Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn chiếm trên 10% tổng phải thu</i>		
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Hoàng Gia</i>	219.256.480.400	199.615.260.788
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Vincom Retail</i>	37.840.359.108	32.158.153.923

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho các nhà cung cấp, đơn vị đền bù giải phóng mặt bằng, nhà thầu thi công và các đơn vị tư vấn tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty.

8. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu gốc và lãi cho vay các khách hàng đã quá hạn thanh toán, lãi phải thu của khoản nợ khó đòi mà không được ghi nhận doanh thu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Một khách thuê trung tâm thương mại</i>				
Phải thu về gốc vay	82.578.564.025	12.638.238.186	82.578.564.022	17.844.590.574
Phải thu về lãi vay	46.817.382.146	12.634.172.846	46.817.382.149	14.971.999.137
<i>Các đối tượng khác</i>				
Phải thu khách hàng	4.944.255.910	-	4.944.255.910	-
TỔNG CỘNG	134.340.202.081	25.272.411.032	134.340.202.081	32.816.589.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (i)	10.152.422.451.337	11.426.570.752.092
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi	987.111.564.022	987.111.564.022
Các khoản cho vay khác (ii)	83.077.886.534	83.077.886.534
	11.222.611.901.893	12.496.760.202.648
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(69.940.325.839)	(64.733.973.448)
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn chiếm trên 10% tổng phải thu về cho vay:</i>		
<i>Công ty Nam Hà Nội</i>	2.921.590.790.096	3.740.000.000.000
<i>Công ty Tân Liên Phát</i>	834.000.000.000	1.834.000.000.000
<i>Công ty Vinmec</i>	1.442.000.000.000	-
Dài hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (i)	9.513.952.825.111	11.080.841.666.667
Các khoản cho các bên khác vay (ii)	1.042.111.564.022	1.042.111.564.022
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn thu hồi</i>	<i>(987.111.564.022)</i>	<i>(987.111.564.022)</i>
	9.568.952.825.111	11.135.841.666.667
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn chiếm trên 10% tổng phải thu về cho vay:</i>		
<i>Công ty Vincom Retail</i>	7.716.770.400.000	8.908.541.666.667
<i>Công ty Vincom Retail Miền Bắc</i>	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000

(i) Chủ yếu bao gồm các khoản cho các bên liên quan vay không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 6,5%/năm đến 11%/năm và thời hạn từ 4 tháng đến 12 tháng đối với các khoản cho vay ngắn hạn và lãi suất từ 9,28%/năm đến 16,47%/năm và thời hạn từ 1 năm đến 5 năm đối với các khoản cho vay dài hạn.

(ii) Khoản này bao gồm:

- Các khoản cho các cá nhân vay với số tiền 904 tỷ VND để mua cổ phần một công ty liên kết. Các khoản cho vay này có thời hạn 3 năm tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và ngày 22 tháng 11 năm 2013 và hưởng lãi suất 13%/năm. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của công ty liên kết này do các cá nhân nêu trên nhận chuyển nhượng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, toàn bộ khoản cho vay dài hạn này đã được phân loại sang vay dài hạn đến hạn thu hồi;
- Một khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với số tiền là 83 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phần của đối tác doanh nghiệp này và một công ty khác. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, toàn bộ khoản cho vay dài hạn này đã được phân loại sang vay dài hạn đến hạn thu hồi; và
- Một khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với số tiền là 55 tỷ VND với lãi suất 7%/năm, đáo hạn ngày 20 tháng 6 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Lãi phải thu từ cho vay và tiền gửi	1.284.335.436.774	(34.183.209.300)	1.415.355.192.674	(31.845.383.012)
Phải thu lại khoản đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	1.050.000.000.000	-	1.050.000.000.000	-
Phải thu cổ tức từ công ty con	257.156.250.000	-	939.964.899.900	-
Phải thu khác	228.848.504.043	-	270.646.983.853	-
Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	-	93.448.998.244	-
TỔNG CỘNG	<u>2.820.340.190.817</u>	<u>(34.183.209.300)</u>	<u>3.769.416.074.671</u>	<u>(31.845.383.012)</u>
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	120.190.140.000	-	2.640.000	-
TỔNG CỘNG	<u>120.190.140.000</u>	<u>-</u>	<u>2.640.000</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.964.359.877.882</i>	<i>(34.183.209.300)</i>	<i>1.838.232.575.684</i>	<i>(31.845.383.012)</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>	<i>976.170.452.935</i>	<i>-</i>	<i>1.931.183.498.987</i>	<i>-</i>

(i) Đây là khoản phải thu tiền đặt cọc 1.050 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp được bảo lãnh thanh toán bởi một bên liên quan. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Hà Nội.

(ii) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 7%/năm. Khoản tiền gửi ngân hàng này được ký quỹ nhằm mục đích đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu (Thuyết minh 23.2).

11. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là giá trị bất động sản để bán đang trong giai đoạn xây dựng của dự án Vincom Xuân Khánh - Cần Thơ, dự án Vinhomes Hà Tĩnh và dự án Vincom Lý Bôn - Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	15.869.886.769	3.920.546.757
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	5.117.857.281	-
Chi phí bảo lãnh trái phiếu trả trước	13.184.496.667	-
Chi phí bản quyền phần mềm	1.831.495.940	7.325.983.760
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.575.170.622	2.148.456.107
TỔNG CỘNG	<u>38.578.907.279</u>	<u>13.394.986.624</u>
Dài hạn		
Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch sáp nhập công ty con vào Công ty trong năm 2013	25.846.351.516	34.461.802.024
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý văn phòng trả trước	22.418.285.952	26.621.714.568
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.104.827.741	6.432.166.278
TỔNG CỘNG	<u>53.369.465.209</u>	<u>67.515.682.870</u>

13. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	7.129.601.709.885	3.657.287.938.085
TỔNG CỘNG	<u>7.129.601.709.885</u>	<u>3.657.287.938.085</u>
Dài hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (ii)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.500.000.000.000</u>	<u>1.500.000.000.000</u>

(i) Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho mục đích đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Khoản đặt cọc 6.000 tỷ VND cho các cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty bên ngoài Tập đoàn;
- Khoản đặt cọc 472 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng cổ phần của một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa;
- Khoản đặt cọc 233 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Tân Liên Phát, công ty con;
- Khoản đặt cọc 400 tỷ VND cho hai đối tác cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết.

(ii) Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là khoản đặt cọc 1.500 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện một dự án tiềm năng tại tỉnh Hưng Yên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu kỳ	45.939.641.000	538.765.574	117.572.344.476	87.702.991.373	1.305.968.182	253.059.710.605
Mua trong kỳ	-	-	10.001.152.727	315.144.960	-	10.316.297.687
Thanh lý	-	-	-	(209.019.927)	-	(209.019.927)
Số dư cuối kỳ	45.939.641.000	538.765.574	127.573.497.203	87.809.116.406	1.305.968.182	263.166.988.365
Giá trị hao mòn:						
Số dư đầu kỳ	1.318.211.336	470.252.447	27.659.492.911	29.194.145.049	374.923.403	59.017.025.146
Tăng trong kỳ	302.860.383	13.443.296	4.152.079.585	3.775.748.318	25.465.124	8.269.596.706
Thanh lý	-	-	-	(160.457.173)	-	(160.457.173)
Số dư cuối kỳ	1.621.071.719	483.695.743	31.811.572.496	32.809.436.194	400.388.527	67.126.164.679
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu kỳ	44.621.429.664	68.513.127	89.912.851.565	58.508.846.324	931.044.779	194.042.685.459
Số dư cuối kỳ	44.318.569.281	55.069.831	95.761.924.707	54.999.680.212	905.579.655	196.040.823.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa

Nguyên giá:

Số dư đầu kỳ 87.706.085.875

Số dư cuối kỳ 87.706.085.875

Giá trị hao mòn:

Số dư đầu kỳ 4.970.189.952

Tăng trong kỳ 481.022.651

Số dư cuối kỳ 5.451.212.603

Giá trị còn lại:

Số dư đầu kỳ 82.735.895.923

Số dư cuối kỳ 82.254.873.272

Bất động sản đầu tư của Công ty là tầng 4A thuộc Tòa nhà Vincom Đồng Khởi tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và số 45A, phố Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

16. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 74 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015: 0 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 10,01%/năm trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền của các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Công ty.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Vinhomes Riverside 2	1.182.610.844.453	1.135.894.144.276
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	796.220.976.294	631.867.706.667
Dự án Khu đô thị sinh thái đảo Vũ Yên	477.647.706.783	411.639.602.203
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	468.382.266.887	309.249.657.518
Dự án Vinhomes Dragon Bay	116.223.939.801	34.016.862.606
Dự án Vincom Lý Bôn - Thái Bình	91.481.280.411	61.882.078.218
Dự án Vincom Hùng Vương	84.003.297.597	71.638.460.640
Dự án Vinhomes Hà Tĩnh	50.715.109.517	50.625.915.469
Dự án Vincom Yên Bái	48.370.075.522	46.548.869.440
Dự án Vincom Thanh Hóa	16.862.925.190	12.942.906.625
Các dự án khác	50.532.420.457	39.235.739.915
TỔNG CỘNG	<u>3.383.050.842.912</u>	<u>2.805.541.943.577</u>

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con (i)	36.723.752.608.248	-	34.479.034.583.248	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.482.214.318.182	-	1.482.214.318.182	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.919.437.075.345	(87.167.222.734)	2.314.290.515.345	-
TỔNG CỘNG	41.125.404.001.775	(87.167.222.734)	38.275.539.416.775	-

(i) Theo các điều khoản của Hợp đồng thể chấp vốn góp ký giữa Công ty Vincom Retail, WP Investments III B.V. ("Warburg Pincus") và Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore ("Credit Suisse") ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến khoản vay chuyển đổi và việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail, toàn bộ cổ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Center Bà Triệu, Công ty Vincom Center Long Biên, Công ty Vincom Center B HCM, Công ty BĐS Hải Phòng và 50% cổ phần vốn góp trong Công ty VMM Times City đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và cho việc các Chủ sở hữu và Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các Chủ sở hữu, theo các thỏa thuận được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đang trong quá trình trao đổi với Warburg Pincus và Credit Suisse để thay thế tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ trên bằng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Retail Miền Bắc.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	
1	Công ty Nam Hà Nội	(i) (xiii) (xiv)	197.800.000	5.792.493.038.618	(***)	187.800.000	5.290.741.538.618	6.009.600.000.000	93,90%
2	Công ty Tân Liên Phát	(ii) (xiii)	278.375.000	4.948.890.138.887	(***)	278.375.000	4.948.890.138.887	(***)	42,50%
3	Công ty Vinpearland	(iii)	(**)	4.415.561.419.672	(***)	(**)	3.605.384.894.672	(***)	100,00%
4	Công ty Hoàng Gia	(iv) (xiii)	273.150.000	3.929.484.785.749	(***)	273.150.000	3.929.484.785.749	(***)	85,36%
5	Công ty Vincom Retail	(v)	295.140.000	2.974.398.834.032	(***)	295.140.000	2.974.398.834.032	(***)	35,79%
6	Công ty Sài Đồng	(vi)	112.800.300	2.212.943.935.291	4.004.410.650.000	112.800.300	2.212.943.935.291	3.034.328.070.000	94,00%
7	Công ty Xavinco	(vii)	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	95,44%
8	Công ty Mễ Trì	(viii)	56.019.514	1.810.830.790.050	(***)	56.019.514	1.810.830.790.050	(***)	67,17%
9	Công ty Vincommerce	(viii)	166.555.000	1.665.550.000.000	(***)	-	-	-	-
10	Công ty Thời Đại	(xiii)	(**)	1.561.000.000.000	(***)	(**)	1.561.000.000.000	(***)	100,00%
11	Công ty VinEco	(ix) (xii)	(**)	1.400.000.000.000	(***)	(**)	493.600.000.000	(***)	70,00%
12	Công ty Triển lãm Việt Nam		138.810.945	1.395.329.678.450	8.786.732.818.500	138.810.945	1.395.329.678.450	2.679.051.238.500	83,32%
13	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	(x)	53.400.000	754.190.080.000	(***)	53.400.000	724.190.080.000	(***)	89,00%
14	Công ty Vinlinks	(xi)	3.236.212	347.116.186.600	(***)	3.236.212	347.116.186.600	(***)	79,96%
15	Công ty Vinhomes 1		(**)	300.000.000.000	(***)	(**)	300.000.000.000	(***)	100,00%
16	Công ty Xây dựng Vincom 1		(**)	220.000.000.000	(***)	(**)	220.000.000.000	(***)	100%
17	Công ty Xây dựng Vincom 3	(viii) (ix)	(**)	217.910.000.000	(***)	(**)	33.810.000.000	(***)	94,00%
18	Công ty BFF		(**)	198.000.000.000	(***)	(**)	198.000.000.000	(***)	86,09%
19	Công ty Vinaconex-Viettel	(ii)	15.000.000	180.000.000.000	(***)	15.000.000	180.000.000.000	(***)	5,00%
20	Công ty Hoa Mai		(**)	170.770.000.000	(***)	(**)	170.770.000.000	(***)	74,00%
21	Công ty Vinschool		(**)	100.000.000.000	(***)	(**)	100.000.000.000	(***)	100,00%
22	Công ty VinAcademy		(**)	28.500.000.000	(***)	(**)	28.500.000.000	(***)	94,00%
23	Công ty Xây dựng Vincom 7		(**)	17.000.000.000	(***)	(**)	17.000.000.000	(***)	94,00%
24	Công ty Vinhomes 2		(**)	5.640.000.000	(***)	(**)	5.640.000.000	(***)	94,00%
25	Công ty Xây dựng Vincom 6	(xvii)	(**)	2.100.000.000	(***)	(**)	2.100.000.000	(***)	94,00%
26	Công ty Bảo vệ Vincom		(**)	2.000.000.000	(***)	(**)	2.000.000.000	(***)	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị		Giá trị hợp lý
27	Công ty Vinlandscape	(xvii)	(**)	1.789.720.899	(***)	100,00%	(**)	1.789.720.899	(***)	100,00%
28	Công ty Tây Tăng Long	(xiii)	(**)	635.000.000	(***)	10,00%	(**)	635.000.000	(***)	10,00%
29	Công ty Hà Thành	(xvii)	(**)	100.000.000	(***)	100,00%	(**)	100.000.000	(***)	100,00%
30	Công ty Hoa Hồng Vàng	(xii)	21.000	210.000.000	(***)	1,00%	-	-	-	-
31	Công ty Hoàng Lân	(xii)	28.000	280.000.000	(***)	1,00%	-	-	-	-
32	Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	(xv)	(**)	-	-	-	(**)	31.000.000.000	(***)	100,00%
33	Công ty Marketing VME	(xvi)	(**)	-	-	-	(**)	1.100.000.000	(***)	94,00%
34	Công ty Vinescom	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	577.500.000.000	(***)	55,00%
35	Công ty Siêu Tốc	(viii)	-	-	-	-	14.805.000	148.050.000.000	(***)	94,00%
36	Công ty Xây dựng Vincom 2	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	156.100.000.000	(***)	94,00%
37	Công ty Vinpro	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	940.000.000.000	(***)	94,00%
TỔNG CỘNG				36.723.752.608.248				34.479.034.583.248		

(*) Thông tin chi tiết của các công ty con được trình bày tại Phụ lục 1.

(**) Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

(***) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 5% cổ phần của Công ty Nam Hà Nội, công ty con, từ Công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nam Hà Nội thành 98,9%.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Tân Liên Phát và các công ty con trực tiếp của công ty này, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Hoa Hướng Dương;
 - Công ty Vinaconex-Viettel; và
 - Công ty Siêu thị Đại Dương.
- (iii) Vào ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 62,09% cổ phần của Công ty Vinpearlland, công ty con, từ Công ty Vinpearl Phú Quốc, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn sau khi Công ty Vinpearl Phú Quốc hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Vinpearlland vào ngày 4 tháng 1 năm 2016 và qua đó tăng giá trị khoản đầu tư trực tiếp vào Công ty Vinpearlland.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Hoàng Gia, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Metropolis Hà Nội.
- (v) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Vincom Retail, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Vincom Retail Miền Bắc;
 - Công ty Vincom Retail Miền Nam;
 - Công ty Metropolis;
 - Công ty Riverview Đà Nẵng;
 - Công ty Suối Hoa;
 - Công ty Vin Tây;
 - Công ty Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội;
 - Công ty Ngôi sao Xanh; và
 - Công ty An Phong.
- (vi) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Sài Đồng, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty ISADO; và
 - Công ty Hồng Ngân.
- (vii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Xavinco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Xalivico.
- (viii) Trong kỳ, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch sáp nhập sau:
 - Công ty Vinpro, Công ty VinEcom và Công ty Siêu Tốc được sáp nhập vào Công ty Vincommerce;
 - Công ty Xây dựng Vincom 2 được sáp nhập vào Công ty Xây dựng Vincom 3.
- (ix) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (x) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 5% cổ phần của Công ty Ngôi Sao Phương Nam, công ty con, từ một đối tác doanh nghiệp qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Ngôi Sao Phương Nam thành 94%.
- (xi) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Vinlinks, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Hợp nhất Thương mại.
- (xii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty VinEco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty VinEco Tam Đảo;
 - Công ty VinEco Đồng Nai;
 - Công ty Hoa Hồng Vàng; và
 - Công ty Hoàng Lân.
- (xiii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Thời Đại, Công ty Nam Hà Nội, Công ty Hoàng Gia và Công ty Tân Liên Phát, Công ty gián tiếp sở hữu Công ty Vinpearl. Sau đó, thông qua Công ty Vinpearl, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Hòn Một;
 - Công ty Vinpearl Nha Trang;
 - Công ty Vinpearl Đà Nẵng;
 - Công ty Vinpearl Hội An;
 - Công ty Tây Hồ View;
 - Công ty FPI;
 - Công ty Tây Tăng Long;
 - Công ty Vinpearl Bãi Dài;
 - Công ty Cam Ranh;
 - Công ty Hòn Tre;
 - Công ty Vinpearl Hạ Long;
 - Công ty Vinpearl Quy Nhơn;
 - Công ty Du lịch Phú Quốc;
 - Công ty Vinpearl Phú Quốc; và
 - Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl.
- (xiv) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Vinmec;
 - Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận;
 - Công ty VinDS;
 - Công ty Sen Việt Công Thương; và
 - Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (xv) Vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes, công ty con, đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó Công ty TNHH Bất động sản ILF đã được sáp nhập vào Công ty Quản lý BĐS Vinhomes và làm tăng vốn điều lệ của Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ 100 tỷ VND lên thành 800 tỷ VND. Giao dịch này làm giảm tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ 100% xuống còn 12,5%. Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ công ty con trở thành một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty (Thuyết minh số 18.3).
- (xvi) Trong kỳ, công ty này đã được giải thể theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTV-VME ngày 1 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Thành viên công ty.
- (xvii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, các công ty này đang trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể.

18.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Thành phố Xanh	663.181.818.182	663.181.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	15.300.000.000	15.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông")	519.232.500.000	519.232.500.000
Công ty M.Y.M	117.000.000.000	117.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.482.214.318.182	1.482.214.318.182

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Thành phố Xanh	49,10	46,75	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty BĐS Thăng Long	35,00	35,00	Số 13, phố Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	30,00	30,00	223 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, bán buôn sản phẩm bê tông
4	Công ty Ngọc Viễn Đông	45,00	45,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty M.Y.M	39,00	39,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Sản xuất trang phục Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (i)	2.129.642.075.345	1.749.495.515.345
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	552.395.000.000	552.395.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	12.400.000.000	12.400.000.000
Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes (Thuyết minh số 18.1) (ii)	225.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.919.437.075.345	2.314.290.515.345

- (i) Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DVTM HCM JSC ngày 1 tháng 2 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định tăng thêm 2.000.000.000.000 VND vốn cổ phần thông qua việc phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty đã tăng giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh thêm 380 tỷ VND với tỷ lệ sở hữu không thay đổi.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 87 tỷ VND cho khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes.

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu của các công ty khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (*):

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016				Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh	95.000.000	19,00	19,00	2.129.642.075.345	56.985.344	19,00	19,00	1.749.495.515.345
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	(**)	12,50	12,50	225.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	145.385.344			2.919.437.075.345	107.385.344			2.314.290.515.345

(*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

(**) Đây là công ty trách nhiệm hữu hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải trả cho người bán ngắn hạn khác	86.327.981.320	51.956.170.767
Phải trả cho các bên liên quan	425.115.126.265	84.331.925.812
TỔNG CỘNG	511.443.107.585	136.288.096.579

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.331.491.223	(6.121.713.770)	209.777.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.933.250.282	(5.933.250.282)	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.072.164.065	20.191.122.980	(25.462.014.536)	3.801.272.509
Thuế nhà thầu	280.159.282	1.144.349.238	(1.131.067.399)	293.441.121
TỔNG CỘNG	9.352.323.347	33.261.818.576	(38.309.650.840)	4.304.491.083
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu/nộp thừa trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	35.767.944.966	10.931.029.762	-	46.698.974.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 30.2)	2.923.154.643	-	1.187.547.354	4.110.701.997
TỔNG CỘNG	38.691.099.609	10.931.029.762	1.187.547.354	50.809.676.725

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	1.143.085.561.024	721.923.032.743
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	16.959.156.794	17.060.421.530
Trích trước chi phí xây dựng	21.113.931.895	21.113.931.895
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.494.457.470	1.494.457.470
Các khoản chi phí phải trả khác	2.496.510.790	3.272.451.743
TỔNG CỘNG	1.185.149.617.973	764.864.295.381
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả khác	744.241.172.855	415.083.938.671
Chi phí phải trả các bên liên quan	440.908.445.118	349.780.356.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đặt cọc để mua các khoản đầu tư	5.295.000.000.000	2.028.000.000.000
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	925.033.024.537	1.293.743.363.509
Đặt cọc từ công ty con để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản	810.514.542.712	810.514.542.712
Phải trả tiền tạm ứng cho công ty con theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc	-	412.000.000.000
Tiền thu từ các hợp đồng vay vốn, đặt cọc của khách hàng mua căn hộ tại dự án	194.341.409.573	384.898.778.987
Phải trả ngắn hạn khác	153.934.537.592	118.250.791.821
TỔNG CỘNG	<u>7.378.823.514.414</u>	<u>5.047.407.477.029</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>623.194.766.366</i>	<i>793.966.681.404</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>6.755.628.748.048</i>	<i>4.253.440.795.625</i>

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

23.1 Vay ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 3 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	5.994.019.562.961	(12.987.385.984.638)	7.108.443.811.291	7.108.443.811.291
TỔNG CỘNG	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	5.994.019.562.961	(12.987.385.984.638)	7.108.443.811.291	7.108.443.811.291

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay từ các công ty con trong Tập đoàn với lãi suất từ 6% đến 10%/năm.

23.2 Vay dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 3 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành trong nước (i)	11.708.056.766.406	11.708.056.766.406	5.020.847.351.947	(90.220.785.721)	16.638.683.332.632	16.638.683.332.632
Trái phiếu quốc tế (ii)	4.339.680.950.302	4.339.680.950.302	16.305.513.680	(43.000.000.000)	4.312.986.463.982	4.312.986.463.982
Vay từ các bên liên quan (*)	2.510.492.366.939	2.510.492.366.939	5.596.616.364	-	2.516.088.983.303	2.516.088.983.303
TỔNG CỘNG	18.558.230.083.647	18.558.230.083.647	5.042.749.481.991	(133.220.785.721)	23.467.758.779.917	23.467.758.779.917

(*) Bao gồm khoản vay từ Công ty Vincom Retail, công ty con, với lãi suất 13%/năm, đáo hạn ngày 12 tháng 1 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu phát hành trong nước

- ▶ Loại trái phiếu thứ nhất có giá trị theo mệnh giá là 4.000 tỷ VND được phát hành vào ngày 11 tháng 2 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 6 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu này bao gồm khu Trung tâm thương mại và bãi đậu xe ngầm của Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, cùng với 11.322.000 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl, công ty con.

- ▶ Loại trái phiếu thứ hai có giá trị theo mệnh giá là 3.000 tỷ VND bao gồm 30.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 8 tháng 9 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất, cộng biên độ 4%.
- ▶ Loại trái phiếu thứ ba có giá trị theo mệnh giá là 800 tỷ VND bao gồm 8.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 4 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất, cộng biên độ 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu thứ hai và thứ ba là các tài sản thuộc sở hữu bởi các công ty con, bao gồm bất động sản, động sản và quyền phát sinh từ: (i) Thửa đất số 00 tại ô CC-1 và CC-2 (Phân khu KT-A) Khu du lịch sinh thái An Viên, phường Vĩnh Nguyên và phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích là 3.997m²; (ii) thửa đất số 01, tờ bản đồ số 673/2011/TĐ.BĐ, thửa đất số 01 (Khu C, D, E, F, G, H), tờ bản đồ số 1702/2015SĐĐ, thửa đất số 01 (Khu B), tờ bản đồ số 1703/2015SĐĐ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có tổng diện tích là 1.603.910 m²; (iii) toàn bộ bất động sản gắn liền trên các khu đất thuộc Dự án VAP và dự án khách sạn 5 sao (kể cả các thửa đất thế chấp) ngoại trừ đất thuộc riêng Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự có địa chỉ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; và (iv) tất cả quyền tài sản (ngoại trừ các quyền đối với Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự), và tất cả quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho các nghĩa vụ, quyền tài sản nêu trên của các công ty con.

- ▶ Loại trái phiếu thứ tư có giá trị theo mệnh giá là 2.000 tỷ VND được phát hành vào ngày 2 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất, cộng biên độ 5%. Loại trái phiếu này được bảo lãnh bởi một công ty con.
- ▶ Loại trái phiếu thứ năm có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 5 tháng 11 năm 2015 và có kỳ hạn 3 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 5%. Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu phát hành trong nước (tiếp theo)

- ▶ Loại trái phiếu thứ sáu có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 25 tháng 11 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4,5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

- ▶ Loại trái phiếu thứ bảy có giá trị được chào bán theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành thành công 5 tỷ VND, trong kỳ, Công ty đã phát hành thêm 995 tỷ VND. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

- ▶ Loại trái phiếu thứ tám có giá trị được chào bán theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu có kỳ hạn 2 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành thành công 5 tỷ VND, trong kỳ, Công ty đã phát hành thêm 995 tỷ VND. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4,5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

- ▶ Loại trái phiếu thứ chín có giá trị theo mệnh giá là 1.050 tỷ VND bao gồm 1.050 trái phiếu được phát hành vào ngày 4 tháng 2 năm 2016 và có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng là lãi suất cố định 8,5%/năm.

Khoản trái phiếu này được bảo lãnh bởi quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF).

- ▶ Loại trái phiếu thứ mười có giá trị theo mệnh giá là 1.950 tỷ VND bao gồm 1.950 trái phiếu được phát hành vào ngày 4 tháng 2 năm 2016 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng là lãi suất cố định 7,75%/năm.

Khoản trái phiếu này được bảo lãnh bởi quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF).

(ii) Trái phiếu quốc tế

Trái phiếu quốc tế có giá trị theo mệnh giá là 200 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 11 năm 2013, với thời hạn 4,5 năm. Trái phiếu này không cần tài sản đảm bảo, có lãi suất cố định là 11,625%/năm, và lãi được trả 2 lần/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định là 5%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi, và do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả tài chính.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016. Trong kỳ, các trái chủ đã hoàn tất chuyển đổi toàn bộ số dư còn lại thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Đơn vị tính: USD

	Thay đổi trong kỳ				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	Ngày 31 tháng 3 năm 2016
Giá trị	106.300.000	-	(106.300.000)	-	-

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu		
Số đầu kỳ	295.037.817.247	162.522.147.579
Số phân bổ tăng trong kỳ	13.600.239.418	16.188.887.148
Số cuối kỳ	308.638.056.665	178.711.034.727
Trừ: Chuyển đổi lũy kế đến cuối kỳ	(6.270.000.000.000)	(2.859.120.000.000)
Cộng: Lỗi chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	22.175.000.000	10.111.800.000
Cộng: Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	123.039.200.000
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	-	3.391.928.978.062

Trong kỳ, các trái chủ đã chuyển đổi các trái phiếu với tổng mệnh giá là 106.300.000 đô la Mỹ thành 71.666.764 cổ phiếu phổ thông của Công ty theo giá phát hành là 31.000 VND/cổ phiếu. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần đã phát hành của Công ty thêm 716.667.640.000 VND và tăng thặng dư vốn cổ phần thêm 1.485.854.312.538 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.939.854.851	1.868.188.087
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

25.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận vào nợ phải trả (*)		
<i>Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông (năm 2016: 1.100 VND/cổ phiếu; năm 2015: 0 VND/cổ phiếu)</i>	2.133.840.340.000	-

(*) Vào ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP về kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:110 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận cổ tức bằng 110 cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	271.986.129.830	192.538.116.883
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con</i>	260.015.675.752	155.196.803.343
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm</i>	11.970.454.078	34.174.222.631
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	3.167.090.909
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	271.986.129.830	192.538.116.883
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	6.951.643.821	16.794.594.594
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	265.034.486.009	175.743.522.289

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Thu nhập từ hoạt động đầu tư (i)	1.292.239.688.640	2.155.109.375.000
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	662.677.840.879	648.248.531.115
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	219.373.156.249	-
TỔNG CỘNG	2.174.290.685.768	2.803.357.906.115

- (i) Thu nhập từ hoạt động đầu tư cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản cổ tức được chia từ các công ty con là Công ty Thời Đại, Công ty Hoàng Gia, Công ty Tân Liên Phát và Công ty TNHH Quản lý Bất Động Sản Vinhomes.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con	162.820.602.587	105.969.607.043
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm	8.911.214.358	29.145.882.354
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	3.167.090.909
TỔNG CỘNG	<u>171.731.816.945</u>	<u>138.282.580.306</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	746.765.474.212	566.194.520.155
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	87.250.199.526	(16.438.248.600)
Chi phí phát hành trái phiếu và vay chuyển đổi phân bổ trong kỳ	36.534.746.909	60.538.862.477
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	108.314.556.671
Chi phí tài chính khác	2.088.487.018	847.940.979
TỔNG CỘNG	<u>872.638.907.665</u>	<u>719.457.631.682</u>

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Thu nhập khác	1.097.367.290	20.711.235.300
Lãi phạt chậm thanh toán tiền mua cổ phần	-	20.060.535.710
Thu nhập khác	1.097.367.290	650.699.590
Chi phí khác	(751.974.080)	(64.474.720)
Chi phí khác	(751.974.080)	(64.474.720)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>345.393.210</u>	<u>20.646.760.580</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh số 30.2)	(815.375.001)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.013.664.733	-
TỔNG CỘNG	198.289.732	-

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.289.372.910.656	2.142.372.048.987
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(1.209.151.335.113)	(2.152.233.500.342)
Thu nhập từ cổ tức	(1.292.239.688.640)	(2.155.109.375.000)
Các chi phí không được khấu trừ khác	83.088.353.527	2.875.874.658
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗi và trước thuế	80.221.575.543	(9.861.451.355)
Lỗi kỳ trước chuyển sang	(76.144.700.538)	-
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	4.076.875.005	(9.861.451.355)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	815.375.001	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(2.923.154.643)	-
Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng trong kỳ	5.117.857.281	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(7.120.779.636)	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(4.110.701.997)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
			Số tiền	%	Số tiền	Số tiền
		VND	VND		VND	VND
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10,00	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty Bảo vệ Vincom	50.000.000.000	50.000.000.000	100,00	2.000.000.000	48.000.000.000
3	Công ty Vinhomes 2	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	5.640.000.000	88.360.000.000
4	Công ty Xây dựng Vincom 3	400.000.000.000	376.000.000.000	94,00	217.910.000.000	158.090.000.000
5	Công ty Xây dựng Vincom 7	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	17.000.000.000	30.000.000.000
6	Công ty VinAcademy	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	28.500.000.000	18.500.000.000
		950.000.000.000	644.000.000.000		271.685.000.000	372.315.000.000

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 ước tính là 627 tỷ VND.

Theo Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015, UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung phân kỳ đầu tư của dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở theo hình thức hợp đồng BT. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, giá trị đầu tư ước tính giai đoạn 1 của dự án còn phải thực hiện là 2.591 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty con hiện hữu từ một cá nhân

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và một đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 26.379.686 cổ phần, tương đương với 31,72% cổ phần của một công ty con hiện hữu. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 852,7 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, giao dịch chưa được hoàn tất và Công ty chưa thanh toán khoản giá phí chuyển nhượng này.

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết từ các cá nhân

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 40% cổ phần của một công ty liên kết. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 1.320 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 400 tỷ VND.

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt. Chậm nhất 3 năm kể từ khi Công ty Triển lãm Việt Nam nhận được mặt bằng, giai đoạn 1 của Khu Hội chợ Triển lãm Quốc Gia phải được hoàn thành trừ trường hợp chậm trễ phát sinh do nguyên nhân khách quan.

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký từ ngày 11 tháng 12 năm 2015 đến ngày 19 tháng 2 năm 2016 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 245.258.503 cổ phần, tương đương với 81,75% cổ phần của một công ty hiện đang là một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 7.357 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 6.000 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Công ty cam kết bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tổng số tiền là 351,8 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, khoản cam kết còn lại phải trả là 132,5 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng

Theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND của UBND quận Hồng Bàng ngày 17 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng với tổng số tiền là 728,3 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, số tiền đền bù còn lại phải trả là 278,3 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa

Theo hợp đồng mua bán Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược ký ngày 17 tháng 3 năm 2016, Công ty cam kết mua toàn bộ số cổ phần phát hành không bán được cho các nhà đầu tư bên ngoài trong đợt IPO của một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Ngoài ra, Công ty và các cổ đông chiến lược khác cam kết huy động 100% vốn đầu tư để thực hiện Dự án Trung tâm Văn hóa và Dịch vụ thương mại SAVINA PLAZA.

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động, chủ yếu là thuê tài sản và thuê quyền sử dụng đất, với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	13.448.210.280	13.448.210.280
Trên 1 đến 5 năm	53.792.841.120	53.792.841.120
Trên 5 năm	<u>235.212.865.577</u>	<u>238.574.918.147</u>
TỔNG CỘNG	<u>302.453.916.977</u>	<u>305.815.969.547</u>

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	100,00	99,06	Số 7 Đường Bông Lãng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	Công ty Vincom Retail Miền Nam	100,00	99,06	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	100,00	99,06	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH Metropolis	Công ty Metropolis	100,00	99,06	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	Công ty Riverview Đà Nẵng	100,00	99,06	Đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	88,00	87,17	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Vin Tây	Công ty Vin Tây	95,00	94,11	Số 14, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty TNHH MTV Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	100,00	99,06	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
9	Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh và Phát triển Đô Thị Ngôi Sao Xanh	Công ty Ngôi sao xanh	100,00	61,14	Số 12, ngõ 99, đường Nam Đường, tổ 19, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong	Công ty An Phong	100,00	99,06	Số 3 Đường 3/2, phường 11, quận 10, TP. HCM, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
11	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00	100,00	Số 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
12	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	Công ty Vinhomes 1	100,00	100,00	Số 7 Đường Bông Lãng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
13	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	98,36	98,36	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
15	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	98,90	98,90	Số 458 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00	94,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	Công ty Xavinco	96,44	96,42	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	Công ty ISADO	70,00	65,80	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	75,00	74,70	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty TNHH Bất động sản Hồng Ngân	Công ty Hồng Ngân	100,00	94,00	Số 31 Ngõ Giếng, phố Đồng Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00	71,35	Số 233 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	83,32	83,32	Số 148 Đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Công ty Ngôi sao Phương Nam	95,00	94,99	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	Công ty Hoa Mai	74,00	74,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Phát triển thể thao và giải trí Mễ Trì	Công ty Mễ Trì	67,17	67,17	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
26	Công ty Cổ phần Đồng Phú Hưng - Bình Thuận	Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận	99,00	97,73	Quốc lộ 55, thôn Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	Công ty Metropolis Hà Nội	100,00	98,36	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
28	Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hoa Hường Dương	Công ty Hoa Hường Dương	100,00	75,17	T4-L2-10, phòng 10 tầng 2, tòa nhà T4- TTTM Times City, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
29	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel	Công ty Vinaconex-Viettel	98,30	75,14	Tầng 9, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công Thương ⁽¹⁾	Công ty Sen Việt Công Thương	100,00	98,59	Số 93, KP 4 (trong khuôn viên chi nhánh Ngân hàng Công thương Đông Nai), đường Hưng Đạo Vương, phường trung Dũng, TP Biên Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
31	Công ty Cổ phần đầu tư Công đoàn Ngân hàng Công Thương ⁽¹⁾	Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương	100,00	97,52	Phố Chùa Thắm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
32	Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty Vinpearl	100,00	88,34	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đầu giá bất động sản, quảng bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
33	Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	Công ty Quản lý Vinpearl	100,00	88,34	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty Vinpearl Nha Trang	100,00	88,34	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
35	Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Công ty Vinpearl Đà Nẵng	100,00	88,34	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
36	Công ty TNHH MTV Vinpearl Hội An	Công ty Vinpearl Hội An	100,00	88,34	Khố Phước Hải, phường Cửa Đại, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
37	Công ty Cổ phần Vinpearl Quy Nhơn	Công ty Vinpearl Quy Nhơn	98,00	86,57	Khu Du lịch Vinpearl Quy Nhơn, Khu Kinh tế Nhơn Hội, thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác
38	Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty FPI	100,00	88,34	Đường Trương Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
39	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	59,00	53,29	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
40	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty Tây Hồ View	70,00	61,84	58 đường Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
41	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty Vinpearl Bãi Dài	90,00	79,51	17A Bạch Đằng, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
42	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00	79,51	16 Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
43	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63	73,88	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
44	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00	79,51	Số 42/2 Đồng Nai, phường Phước Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
45	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Công ty Du lịch Phú Quốc	55,00	48,59	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
46	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	Công ty Vinpearl Phú Quốc	100,00	48,59	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
47	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty Vinpearl Hạ Long	100,00	88,34	Đảo Rều, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
48	Công ty TNHH MTV Vinpearland	Công ty Vinpearland	100,00	100,00	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
49	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96	86,94	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
50	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Công ty Vincommerce	72,35	60,37	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
51	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty VinDS	70,00	69,23	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
52	Công ty Cổ phần Vinlinks	Công ty Vinlinks	79,96	79,96	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
53	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	Công ty Xây dựng Vincom 1	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
54	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty Xây dựng Vincom 3	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
55	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty Xây dựng Vincom 7	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
56	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00	98,90	Số 458, Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
57	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
58	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
59	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Công ty Bảo vệ Vincom	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
60	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VINECO	Công ty VinEco	70,00	70,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
61	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VINECO-Tam Đảo	Công ty VinEco Tam Đảo	89,02	62,32	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
62	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – VinEco	Công ty VinEco Đồng Nai	77,50	54,25	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, Xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
63	Công ty Cổ phần Sản Xuất - Thương Mại - Dịch vụ Hoàng Lân	Công ty Hoàng Lân	100,00	70,59	Số 38/2 Bạch Đằng, phường 7, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
64	Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoa Hồng Vàng	Công ty Hoa Hồng Vàng	100,00	70,59	Số 1/5 Lê Hồng Phong, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
65	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản và Phát triển Hạ tầng Đô thị Hà Thành	Công ty Hà Thành	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
66	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương Mại ⁽²⁾	Công ty Hợp Nhất Thương Mại	99,80	79,80	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
67	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quản lý Cảnh quan Vinlandscape	Công ty Vinlandscape	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
68	Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương ⁽²⁾	Công ty Siêu thị Đại Dương	80,00	48,29	Số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh

⁽¹⁾ Các công ty không được hợp nhất do Tập đoàn kiểm soát tạm thời

⁽²⁾ Các công ty đang làm thủ tục giải thể